

Phụ lục II.3
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
QUÝ 3 NĂM 2025



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



No: 25.09.1130	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	19/09/2025 Trang/Page: 1/4
----------------	---	-------------------------------

Yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Nơi lấy mẫu/ Sampling location : Nước thải sản xuất hồ ga đầu ra ITXL nước thải tập trung, công suất 12.000m³/ngày.đêm (X=1233 309; Y=589 980)

Địa chỉ/ Address : Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18 Khu công nghiệp Phước Đông, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh

Loại mẫu/ Type of sample : Nước thải

Đánh dấu mẫu/ Mark of sample : NT.09556

Ngày (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 09/09/2025

Thời gian thử nghiệm/ Date of testing : 10/09/2025 – 18/09/2025

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	Giá trị giới hạn cho phép theo GPMT ^(*)
pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,53	6 – 9
Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023 ^(*)	30,7	40
Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl:- 2023 ^(*)	0,08	0,81
Độ màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023 ^(*)	<11 ^(a)	50
TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	<12 ^(a)	40,5
BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	5	24,3
COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	38	60,75
NH ₄ ⁺ N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	0,924	4,05
Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	<0,067 ^(a)	3,24
Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	<4,67 ^(a)	16,2
Clorua	mg/L	TCVN 6194:1996 ^(*)	108	405
S ²⁻ _H ₂ S	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2023 ^(*)	<0,027 ^(a)	0,162
F ⁻	mg/L	SMEWW 4500-F.B&D:2023 ^(*)	2,53	4,05
CN ⁻	mg/L	SMEWW 3500 CN-.C&E:2023 ^(*)	0,050	0,0567
Fe	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	0,565	0,81
Cr ⁶⁺	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,003)	0,0405
Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023 ^(*)	KPH (MDL=1,1)	4,05
Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530 B&C:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,009)	0,081
Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	2,2x10 ³	3.000

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing and at the time of measurement.

Nếu được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

QT7.8

BH/SD:03/01

Ngày BH: 24/02/2025

INH

Vườn Lái, P. An Phú Đông, Tp.HCM

Vườn Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM

5262

ynh.vimcerts241@gmail.com

<http://duonghuynhenv.vn>



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỖNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



lo: 25.09.1130

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/09/2025
Trang/Page:2/4

Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	Giá trị giới hạn cho phép theo GPMT ^(w)
	mg/L	SMEWW 3112B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,0003)	0,00405
	mg/L	SMEWW 3114B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,0003)	0,0405
	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,01)	0,0405
	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	0,151	0,405
	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,02)	1,62
	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,02)	2,43
	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,015)	0,162
	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(**)	KPH (MDL=0,003)	0,081
	mg/L	SMEWW 3120B:2023 + SMEWW 3500 CrB:2023 ^(**)	KPH (MDL=0,01)	0,162
àm lượng thuốc lo vệ thực vật clo tu cơ	-		-	
Aldrin	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Hexaclorobenzen	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
4,4'-DDD	mg/L		KPH (MDL=0,0003)	
4,4'-DDE	mg/L		KPH (MDL=0,0003)	
4,4'-DDT	mg/L		KPH (MDL=0,0003)	
Dieldrin	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Endosufan I	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Endosulfan II	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Endosulfan- sulfate	mg/L	US EPA 3510C + US EPA 3630C + US EPA 8270E ^(**)	KPH (MDL=0,0001)	0,0405
Endrin	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
α-HCH	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
β-HCH	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
lindan (γ-HCH)	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
δ-HCH	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Heptachlor	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Heptachlor- epoxide	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Methoxychlor	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Alachlor	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	

kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing
and at the time of measurement..

ng được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall
reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

QT7.8

BH/SD 03/01

Ngày BH: 24/02/2025

NH

Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp.HCM

Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. HCM

262

ynh.vimcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



No: 25.09.1130	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	19/09/2025 Trang/Page: 3/4
----------------	---	-------------------------------

Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	Giá trị giới hạn cho phép theo GPMT ^(W)
am lượng thuốc o vệ thực vật otpho hữu cơ	-		-	-
Diazinon	mg/L	US EPA 3510C + US EPA 3620C + US EPA 8270E ^(**)	KPH (MDL=0,0001)	0,243 -
Parathion methyl	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Chlorpyrifos	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Chlorpyrifos-ethyl	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Parathion ethyl	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Fenitrothion	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Malathion	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Disulfoton	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Ethion	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Fenithion	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Phenthoate	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Phorate	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Phosphamidon	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Pirimiphos ethyl	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Pirimiphos ethyl	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
Terbufos	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	
am lượng olychlorinated iphenyls (PCBs)	-	US EPA 3510C + US EPA 3630C + US EPA 8270E ^(**)	-	0,00243
PCB-18	µg/L		KPH (MDL=0,05)	
PCB-28	µg/L		KPH (MDL=0,05)	
PCB-31	µg/L		KPH (MDL=0,05)	
PCB-44	µg/L		KPH (MDL=0,05)	
PCB-52	µg/L		KPH (MDL=0,05)	
PCB-101	µg/L		KPH (MDL=0,05)	
PCB-118	µg/L		KPH (MDL=0,05)	
PCB-138	µg/L		KPH (MDL=0,05)	
PCB-149	µg/L		KPH (MDL=0,05)	
PCB-153	µg/L		KPH (MDL=0,05)	
PCB-170	µg/L		KPH (MDL=0,05)	

kt quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing
nd at the time of measurement.
được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall
produced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

T7.8

BH/SD.03/01

Ngày BH: 24/02/2025

H
on Lái, P. An Phú Đông, Tp.HCM
ươn Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
62
h.vimcerts241@gmail.com

<http://duonghuynhenv.vn>



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



No: 25.09.1130

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/09/2025
Trang/Page: 4/4

Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	Giá trị giới hạn cho phép theo GPMPT ^(w)
PCB-180	µg/L		KPH (MDL=0,05)	
PCB-194	µg/L		KPH (MDL=0,05)	
PCB-209	µg/L		KPH (MDL=0,05)	

Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LOQ)
Thông tin bổ sung theo yêu cầu khách hàng/ Supplementary information according to customer's request.
Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 / Subcontracted test by Quality Assurance & Testing Center 3.
Không phát hiện/ Not detected, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Đương Hoàng Thành

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing and at the time of measurement.

Kết quả được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

QT7.8

BH/SD.03/01

Ngày BH: 24/02/2025

Địa chỉ: P. An Phú Đông, Tp.HCM
Số điện thoại: P. An Phú Đông, Tp. HCM
Số fax: 262
Email: nh.vimcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



ST: 25.09.1129	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	19/09/2025 Trang/Page: 1/2
----------------	---	-------------------------------

Khu vực/ Customer : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Nơi lấy mẫu/ Sampling location : Nước thải sinh hoạt tại điểm sau HTXL nước thải, công suất 220m³/ngày, đê chắn nổi vào hệ thống thu gom KCN (X=1233 463; Y=590 920)

Địa chỉ Address : Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18 Khu công nghiệp Phước Đông, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh

Loại mẫu/ Type of sample : Nước thải

Dấu/ Mark of sample : NT.09555

Ngày nhận mẫu/ Sampling (receiving) date : 09/09/2025

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 10/09/2025 – 18/09/2025

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011

Thử nghiệm/ Testing results :



Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	Giá trị giới hạn cho phép theo GPMT ^(*)
H	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	6,57	6 – 9
Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023 ^(*)	30,4	40
Lo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ : 2023 ^(*)	0,01	2
Đồng mầu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023 ^(*)	246	70
SS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	<12 ^(a)	150
OD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	17	150
OD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	47	250
NH ₄ ⁺ N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	15,0	10
Đồng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	1,38	6
Đồng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	24,1	40
Clorua	mg/L	TCVN 6194:1996 ^(*)	47,5	600
S ²⁻ H ₂ S	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2023 ^(*)	0,460	0,5
F ⁻	mg/L	SMEWW 4500-F.B&D:2023 ^(*)	0,426	10
CN ⁻	mg/L	SMEWW 3500 CN.C&E:2023 ^(*)	<0,01 ^(a)	0,07
Fe	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	0,415	5

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing and at the time of measurement.

Kết quả này chỉ có giá trị khi được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall be produced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

ST.7.8

BH/SD:03/01

Ngày BH: 24/02/2025

Địa chỉ: P. An Phú Đông, Tp.HCM
Số 2
Email: vinceris241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.1129

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/09/2025
Trang/Page: 2/2

Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	Giá trị giới hạn cho phép theo GPMT ^(*)
Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023 ^(*)	KPH (MDL=1,1)	10
Cr ⁶⁺	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,003)	0,05
Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530 B&C:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,009)	0,5
Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	2,8x10 ³	5.000
Hg	mg/L	SMEWW 3112B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,0003)	0,005
As	mg/L	SMEWW 3114B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,0003)	0,05
Cd	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,01)	0,05
Mn	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,015)	1
Cu	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,02)	2
Zn	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,02)	3
Ni	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,015)	0,5
Pb	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(**)	KPH (MDL=0,003)	0,1
Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3120B:2023 + SMEWW 3500CrB:2023 ^(**)	KPH (MDL=0,01)	1

Note:
Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LOQ)
Được tin bổ sung theo yêu cầu khách hàng/ Supplementary information according to customer's request.
Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3/ Subcontracted test by Quality Assurance & Testing Center 3.
Không phát hiện/ Not detected. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

P. Giám đốc
C. Vice Director
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ
MÔI TRƯỜNG
DƯƠNG HUỲNH
HUỲNH HOÀNG THÀNH

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing and at the time of measurement.
Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, in part or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.



Số/No: 25.09.1131

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

19/09/2025
Trang/Page: 1/1

Yêu cầu/ Customer

: CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

: Điểm sau HTXL nước thải, công suất 280m³/ngày.đêm tại khu ký túc xá (X=1233 553; Y=591 020)

Địa chỉ/ Address

: Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18 Khu công nghiệp Phước Đông, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh

Nguồn/ Type of sample

: Nước thải

Đánh dấu mẫu/ Mark of sample

: NT.09557

Ngày (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date

: 09/09/2025

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

: 10/09/2025 – 19/09/2025

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions

: Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method

: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

:

Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 14:2008/BTNMT CỘT A
pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	6,70	5 – 9
TDS	mg/L	ĐNHT-N05 ^(*)	329	500
TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	19	50
BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	63	30
COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	263	-
NH ₄ ⁺ N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	29,7	5
NO ₃ ⁻ N	mg/L	SMEWW 4500NO ₃ ⁻ .E:2023 ^(*)	<0,1 ^(a)	30
PO ₄ ³⁻ P	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	2,56	6
S ²⁻ H ₂ S	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2023 ^(*)	0,612	1,0
Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023 ^(*)	<3,33 ^(a)	10
Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009 ^(*)	8,42	5
Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	2,8x10 ³	3.000

W/ Note:

Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LOQ)

không phát hiện/ Not detected, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit

Phụ trách phòng thử nghiệm

The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



: kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo/ Test results in this test report are only valid for the testing and at the time of measurement.

Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./ This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

QT7.8

BH/SD.03/01

Ngày BH: 24/02/2025

ĐINH

Vườn Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM

Vườn Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM

5262

ynh.vimcerts241@gmail.com

<http://duonghuynhenv.vn>



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



5.10.10862

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

01/10/2025
Trang/Page: 1/3

Chủ/ Customer

: CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

**: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM
- KHU A**

Địa chỉ/ Address

**: Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18,
31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-
12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18, KCN Phước Đông, phường
Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh**

Ngày nhận mẫu/ Receiving date

: 23/09/2025

Thời gian thử nghiệm/ Date of testing

: 24/09/2025 – 30/09/2025

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

: Xem trang tiếp theo

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

P. Giám đốc
Vice Director



Dương Hoàng Thành

quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo /Test results in this test report are only valid for the testing
at the time of measurement..
được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall
reduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

7.8

BH/SD.02/01

Ngày BH: 12/04/2019

1. Lái, P. An Phú Đông, Tp.HCM
2. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
3. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
4. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
5. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
6. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
7. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
8. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
9. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
10. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
11. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
12. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
13. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
14. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
15. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
16. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
17. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
18. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
19. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
20. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
21. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
22. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
23. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
24. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
25. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
26. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
27. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
28. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
29. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
30. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
31. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
32. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
33. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
34. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
35. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
36. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
37. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
38. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
39. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
40. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
41. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
42. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
43. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
44. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
45. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
46. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
47. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
48. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
49. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
50. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
51. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
52. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
53. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
54. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
55. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
56. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
57. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
58. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
59. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
60. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
61. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
62. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
63. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
64. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
65. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
66. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
67. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
68. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
69. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
70. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
71. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
72. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
73. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
74. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
75. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
76. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
77. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
78. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
79. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
80. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
81. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
82. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
83. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
84. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
85. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
86. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
87. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
88. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
89. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
90. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
91. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
92. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
93. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
94. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
95. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
96. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
97. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
98. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
99. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM
100. Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM

vimcerts241@gmail.com

<http://duonghuynhenv.vn>



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

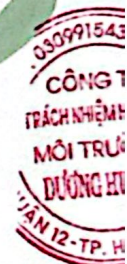


25.10.10862	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	01/10/2025 Trang/Page: 2/3
-------------	---	-------------------------------

Type of sample	: Nước thải
Ấn/ Mark of sample	: NT.092310 – Nước thải sinh hoạt sau HTXL nước thải, công suất 220 m ³ /ngày.đêm
Ấn lấy mẫu/ Sampling method	: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp, ngày lấy mẫu 22/09/2025

Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	Giá trị giới hạn cho phép theo GPMT(*)
màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023(*)	15	70
I ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996(*)	1,72	10

Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
Số so sánh do khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.
phát hiện/ Not detected, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.



Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo/ Test results in this test report are only valid for the testing and at the time of measurement.
Nếu được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh/ This result shall be produced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

T7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

NH

Jôn Lài, P. An Phú Đông, Tp.HCM
Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. HCM
262
nh.vimcerts241@gmail.com

<http://duonghuynhenv.vn>



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



10862	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	01/10/2025 Trang/Page: 3/3
-------	---	-------------------------------

of sample	: Nước thải
ark of sample	: NT.092311 – Nước thải sinh hoạt sau HTXL nước thải, công suất 280 m ³ /ngày.đêm tại khu ký túc xá.
y mẫu/ Sampling method	: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp, ngày lấy mẫu 22/09/2025

g số neters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 14:2008/ BTNMT, CỘT A ^(*)
	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	20	30
	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	54	-
	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	2,38	5
oạt động	mg/L	TCVN 6622-1:2009 ^(*)	KPH (MDL=0,025)	5

ã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
ảnh đo khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.
ện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.



à thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing
the time of measurement..
c sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall
uced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

l, P. An Phú Đông, Tp.HCM
lài, P. An Phú Đông, Tp. HCM

ncerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



25.09.1133

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/09/2025
Trang/Page: 1/1

Yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Sĩ than tại lò hơi khu A

Địa chỉ/ Address : Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18 Khu công nghiệp Phước Đông, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh

Loại mẫu/ Type of sample : Chất thải

Biểu mẫu/ Mark of sample : CT.0903

Ngày nhận mẫu/ Sampling (receiving) date : 09/09/2025

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 10/09/2025 – 19/09/2025

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 9466:2021, TCVN 12058:2017

Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

Thông số/Parameters	Đơn vị tính/Unit	Phương pháp thử/Test method	Kết quả/Result
	mg/Kg	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A ^(*)	KPH (MDL=1,0)
	mg/Kg	US EPA method 3051A+ US EPA 200.7 ^(*)	KPH (MDL=0,85)
	mg/Kg	US EPA method 3051A+ US EPA 200.7 ^(*)	26,9
	mg/Kg	US EPA method 3051A+ US EPA 200.7 ^(*)	37,1
	mg/Kg	US EPA method 3051A+ US EPA 200.7 ^(*)	48,7
	mg/Kg	US EPA method 3051A+ US EPA 200.7 ^(*)	KPH (MDL=1,07)
	mg/Kg	US EPA method 3051A+ US EPA 200.7 ^(*)	452
	mg/Kg	US EPA method 3051A+ US EPA 200.7 ^(*)	<11,3 ^(a)
	mg/Kg	US EPA method 3051A+ SMEWW 3114B:2023 ^(*)	<0,123 ^(a)
	mg/Kg	US EPA method 7471B ^(*)	0,867
	mg/Kg	US EPA method 3051A+ SMEWW 3114B:2023 ^(*)	<0,187 ^(a)

Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
Giới hạn lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LLOQ).

Không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

P. Giám đốc
Vice Director
TRÁCH NHIỆM HỒ SƠ
MÔI TRƯỜNG
DƯƠNG HUỲNH
AN 12 - T. HỒ CHÍ MINH

Dương Hoàng Thành

Chỉ số thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo/ Test results in this test report are only valid for the testing the time of measurement..

Không sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./ This result shall not be copied, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BH/SD: 03/01

Ngày BH: 24/02/2025

Li, P. An Phú Đông, Tp.HCM
Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM

ncerts241@gmail.com

<http://duonghuynhenv.vn>

Số: 533/10/2025/KQ-250925/07

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Yêu cầu: CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU
BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Đơn vị được quan trắc: CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU
BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Địa chỉ lấy mẫu: Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18 Khu công nghiệp Phước Đông, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh.

Ngày lấy mẫu: 25/09/2025

Ngày trả kết quả: 03/10/2025

Địa điểm lấy mẫu:

Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
250925/07-KT1	Ổng thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 05 (X:1233055; Y:590196)	Khí thải
250925/07-KT2	Ổng thoát khí hệ thống xử lý bụi công đoạn pha trộn hóa chất (dạng bột) tầng 1 xưởng V (X:1233207; Y:590299)	Khí thải
250925/07-KT3	Ổng thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ khu vực trộn hóa chất của xưởng V (X:1233178; Y:590275)	Khí thải
250925/07-KT4	Ổng thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 1 tại xưởng N (X:1233297; Y:589777)	Khí thải

Phương pháp thử nghiệm: Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA

**TU. GIÁM ĐỐC
PH. GIÁM ĐỐC**



ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯỢNG

Quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
Yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Đơn vị được quan trắc chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
Trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

TT14-KQTN/01

Số: 533/10/2025/KQ-250925/07-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 250925/07-KT1, 250925/07-KT2)

THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B ($K_p=0,8$; $K_v=1$)
			250925/07-KT1	250925/07-KT2	
Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	58,9	30,5	160
Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	46.216	1.756	-
SO ₂	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=13,1)	-	400
NO _x	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	97,2	-	680
CO	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	156,2	-	800

chú:

(*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;

KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;

"<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

250925/07-KT1: Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 05 (X:1233055; Y:590196);

250925/07-KT2: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi công đoạn pha trộn hóa chất (dạng bột) tầng 1 xưởng V

(X:1233207; Y:590299).

Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
 Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
 Thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
 Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

1-TT14-KQTN/01

Biểu: 533/10/2025/KQ-250925/07-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 250925/07-KT3, 250925/07-KT4)

THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B ($K_p=0,8$; $K_v=1$)
			250925/07-KT3	250925/07-KT4	
Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	28,8	38,7	160
Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	16.853	17.106	-
H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 8 ^(*)	KPH (MDL=1,28)	KPH (MDL=1,28)	40

chú:

(*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;

KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;

"<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

250925/07-KT3: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ khu vực trộn hóa chất của xưởng V (X:1233178; Y:590275);

250925/07-KT4: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bóng của chuyền 1 tại xưởng N

(X:1233297; Y:589777).

Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.

Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Chúng tôi lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.

Thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.

Chúng tôi trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

01-TT14-KQTN/01

phiếu: 576/10/2025/KQ-061025/06

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU
 BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU
 BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Địa chỉ lấy mẫu : Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18 Khu công nghiệp Phước Đông, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh.

Ngày lấy mẫu : 06/10/2025

Ngày trả kết quả : 15/10/2025

Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	061025/06-KT1	Ổng thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ khu vực trộn hóa chất của xưởng V (X:1233178; Y:590275)	Khí thải
2	061025/06-KT2	Ổng thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 1 tại xưởng N (X:1233297; Y:589777)	Khí thải
3	061025/06-KT3	Ổng thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ phòng trộn hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233224; Y:590147)	Khí thải
4	061025/06-KT4	Ổng thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ bể khuấy hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233281; Y:590027)	Khí thải
5	061025/06-KT5	Ổng thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 2 tại xưởng N (X:1233173; Y:590169)	Khí thải
6	061025/06-KT6	Ổng thoát khí hệ thống xử lý khí thải tại bể thu gom cụm xử lý nước thải sơ bộ (X:1233060; Y:590267)	Khí thải



Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
 Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
 Thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
 Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

M01-TT14-KQTN/01



CÔNG TY CỔ PHẦN ENVILAB VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính: 29/18 Đường 1, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ Phòng thí nghiệm: 79/27 đường TA28, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0978 521 142 Mã số thuế: 0318534807
Email: ptncongyenvilab@gmail.com



Đ: 576/10/2025/KQ-061025/06

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
061025/06-KT7	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 2 tại xưởng M (X:1233039; Y:590306)	Khí thải
061025/06-KT8	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 1 tại xưởng M (X:1233082; Y:590351)	Khí thải
061025/06-KT9	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải khu vực đo, pha trộn hóa chất tại kho 06 (X: 1233098; Y: 590385)	Khí thải

quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

ThS. LÊ ĐỨC HÒA



ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯỢNG



Qua đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
n vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
ông lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
ời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
ông trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

TT14-KQTN/01

Phiếu: 576/10/2025/KQ-061025/06-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 061025/06-KT1, 061025/06-KT2, 061025/06-KT3)

T	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 20:2009/ BTNMT
				061025/06- KT1	061025/06- KT2	061025/06- KT3	
	Naphthalene	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	150
	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	5
	Metanol	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	260
	2-Pentanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	700

Chú:

(**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;

KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;

QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

061025/06-KT1: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ khu vực trộn hóa chất của xưởng V (X:1233178; Y:590275);

061025/06-KT2: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bóng của chuyền 1 tại xưởng N

(X:1233297; Y:589777);

061025/06-KT3: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ phòng trộn hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233224; Y:590147).

Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.

Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.

Thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.

Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

001-TT14-KQTN/01

chiều: 576/10/2023/KQ-061025/06-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 061025/06-KT7, 061025/06-KT8)

T	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 20:2009/ BTNMT
				061025/06- KT7	061025/06- KT8	
	Naphthalene	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	150
	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	5
	Metanol	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	260
	2-Pentanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	700

ghi chú:

(**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;

KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;

QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

061025/06-KT7: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bóng của chuyển 2 tại xưởng M
(X:1233039; Y:590306);

061025/06-KT8: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bóng của chuyển 1 tại xưởng M
(X:1233082; Y:590351).

Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.

Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.

Trong thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.

Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

3M01-TT14-KQTN/01

Phiếu: 576/10/2025/KQ-061025/06-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 061025/06-KT9)

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B ($K_p=0,8$; $K_v=1$)	QCVN 20:2009/ BTNMT
1	Naphthalene	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	-	150
2	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	-	5
3	Metanol	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	-	260
4	2-Pentanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	-	700
5	Bụi	mg/Nm ³	US EPA 05(**)	0,24	160	-
6	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA 02(**)	1.560	-	-
7	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA 08(**)	KPH (MDL=3,0)	40	-

Lưu ý:

(**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;

KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

061025/06-KT9: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải khu vực đo, pha trộn hóa chất tại kho 06 (X: 1233098; Y: 590385).

Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.

Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.

Thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.

Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

VI-TT14-KQTN/01

534/10/2025/KQ-260925/02

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU
BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU
BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Chỉ lấy mẫu : Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18 Khu công nghiệp Phước Đông, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh.

Ngày lấy mẫu : 26/09/2025

Ngày trả kết quả : 04/10/2025

Người lấy mẫu :

Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
260925/02-KT1	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ phòng trộn hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233224; Y:590147)	Khí thải
260925/02-KT2	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ bể khuấy hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233281; Y:590027)	Khí thải
260925/02-KT3	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 2 tại xưởng N (X:1233173; Y:590169)	Khí thải
260925/02-KT4	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải tại bể thu gom cụm xử lý nước thải sơ bộ (X:1233060; Y:590267)	Khí thải

Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA



ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯỢNG

Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.

Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.

Thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.

Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

01-TT14-KQTN/01

Biểu: 534/10/2025/KQ-260925/02-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 260925/02-KT1, 260925/02-KT2)

THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B ($K_p=0,8$; $K_v=1$)
			260925/02- KT1	260925/02- KT2	
Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	22,1	27,4	160
Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	5.356	1.764	-
H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 8 ^(*)	KPH (MDL=1,28)	KPH (MDL=1,28)	40

Chú:

(*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;

KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;

"<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

260925/02-KT1: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ phòng trộn hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233224; Y:590147);

260925/02-KT2: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ bể khuấy hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233281; Y:590027).

Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
 Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Chúng tôi lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
 Thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.

Chúng tôi trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

VI-TT14-KQTN/01

8534807
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 ENVILAB
 VIỆT NAM
 HỒ CHÍ MINH

Phiếu: 534/10/2025/KQ-260925/02-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 260925/02-KT3, 260925/02-KT4)

ST	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B ($K_p=0,8$; $K_v=1$)
				260925/02-KT3	260925/02-KT4	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	38,5	27,9	160
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	15.276	1.120	-
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 8 ^(*)	KPH (MDL=1,28)	KPH (MDL=1,28)	40

Chú:

- (*) : Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- 260925/02-KT3: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bóng của chuyển 2 tại xưởng N (X:1233173; Y:590169);
- 260925/02-KT4: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải tại bể thu gom cụm xử lý nước thải sơ bộ (X:1233060; Y:590267).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số: 536/10/2025/KQ-270925/01

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU
BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU
BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Địa chỉ lấy mẫu : Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18 Khu
công nghiệp Phước Đông, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh.

Ngày lấy mẫu : 27/09/2025

Ngày trả kết quả : 06/10/2025

Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	270925/01-KT1	Ổng thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 2 tại xưởng M (X:1233039; Y:590306)	Khí thải
2	270925/01-KT2	Ổng thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 1 tại xưởng M (X:1233082; Y:590351)	Khí thải

Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA



TUỔI GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gia mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

phiếu: 536/10/2025/KQ-270925/01-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 270925/01-KT1, 270925/01-KT2)

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B ($K_p=0,8$; $K_v=1$)
				270925/01- KT1	270925/01- KT2	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	34,9	36,3	160
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	15.303	17.475	-
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 8 ^(*)	KPH (MDL=1,28)	KPH (MDL=1,28)	40

Ghi chú:

(^{*}): Thông số được chứng nhận Vimcerts;

KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;

"<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

270925/01-KT1: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bóng của chuyển 2 tại xưởng M
(X:1233039; Y:590306);

270925/01-KT2: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bóng của chuyển 1 tại xưởng M
(X:1233082; Y:590351).

Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
 Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
 Thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.

Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

01-TT14-KQTN/01

